TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/DS-ST
Ngày: 12/9/2018.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Ánh Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc *tham gia phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Chấm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 14/2018/TLST-DS, ngày 17/01/2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXXST - DS ngày 18/7/2018. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Lệ H, sinh năm 1970.

Trú tại: ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Trú tại: khu phố X, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Phạm Mai H1, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Trú tại: ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Trú tại: ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2018 của bà Ngô Thị Lệ H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P trình bày: Bà H có tham gia một phần hụi do bà H1 làm chủ

hụi, cụ thể phần hụi 3.000.000 đồng, gồm 48 phần, mỗi tháng mở hụi một lần, mở hụi đầu tiên ngày 19/8/2015 (Âl), bà H đã đóng hụi sống được 27 tháng là 48.600.000 đồng, vào ngày 29/8/2015 (Âl) bà H1 mượn tiền đầu thảo hụi là 3.000.000 đồng, từ ngày 19/9/2017 (Âl) bà H1 ngưng hụi nhưng vẫn chưa thanh toán cho bà H số tiền hụi tổng cộng là 51.600.000 đồng. Nay bà H yêu cầu bà H1 và ông Đ (chồng bà H1) phải liên đới hoàn trả cho bà H số tiền hụi là 51.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Phạm Mai H1 trình bày: bà H1 có làm chủ hụi dây hụi 3.000.000 đồng, gồm 48 phần, mỗi tháng mở hụi một lần, mở hụi đầu tiên ngày 19/8/2015 (Âl), bà H có tham gia một phần hụi, bà H đã đóng hụi sống được 27 tháng là 48.600.000 đồng (trung bình mỗi tháng bà H đóng hụi sống là 1.800.000 đồng), vào ngày 29/8/2015 (Âl) bà H1 mượn tiền đầu thảo hụi là 3.000.000 đồng, đến ngày 19/9/2017 (Âl) bà H1 ngưng hụi. Tổng cộng số tiền hụi mà bà H1 còn nợ bà H là 51.600.000 đồng. Nay bà H1 đồng ý hoàn trả cho bà H số tiền hụi là 51.600.000 đồng. Ông Đ là chồng bà H1 có biết việc bà H1 làm chủ hụi, việc bà H1 làm chủ hụi là để có tiền lời phục vụ cho kinh tế gia đình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Lệ H. Buộc bà Nguyễn Phạm Mai H1 và ông Trương Văn Đ phải liên đới hoàn trả cho bà Ngô Thị Lệ H số tiền hụi là 51.600.000 đồng. Ghi nhận việc bà Ngô Thị Lệ H không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Phạm Mai H1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông P, bà H1 và ông Đ là phù hợp.

[2] Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2018 nguyên đơn bà Ngô Thị Lệ H yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Phạm Mai H1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn Đ phải liên đới hoàn trả số tiền hụi là 84.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, đến ngày 24/5/2018, bà H có thay đổi yêu cầu

khởi kiện, cụ thể là yêu cầu bà H1 và ông Đ phải liên đới hoàn trả số tiền hụi là 51.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu tại đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2018.

[3] Căn cứ vào lời khai của các đương sự thì nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền bị đơn bà H1 còn nợ nguyên đơn bà H là 51.600.000 đồng không có tranh chấp nên căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là sự việc có thật. Bà H yêu cầu bà H1 và ông Đ (chồng bà H1) phải liên đới hoàn trả cho bà H số tiền hụi là 51.600.000 đồng. Tuy nhiên, do ông Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thấy, bị đơn bà H1 đã vi phạm hợp đồng góp hụi do không thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hụi, không thanh toán đầy đủ tiền hụi cho nguyên đơn như thỏa thuận khi giao kết hợp đồng nên cần buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền hụi là 51.600.000 đồng là có căn cứ nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho hụi viên. Việc bà H không yêu cầu tính lãi là sự tự nguyện của bà nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn Đ là chồng của bị đơn mặc dù không tham gia giao dịch về hụi, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn tuy nhiên ông Đ cũng không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không giao nộp chứng cứ để chứng minh rằng mình không có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Mặt khác, căn cứ vào lời khai của bà H1 thì bà cũng thừa nhận việc bà làm chủ hụi với mục đích để có tiền lời phục vụ cho kinh tế gia đình. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với những giao dịch hợp pháp do một trong hai người thực hiện nhằm phục vụ các nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà H1 trả nợ là có căn cứ.

[5] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: buộc bà H1 và ông Đ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hà do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Lệ H.

Buộc bà Nguyễn Phạm Mai H1 và ông Trương Văn Đ phải liên đới hoàn trả cho bà Ngô Thị Lệ H số tiền hụi là 51.600.000 (năm mươi mốt triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chưa thi hành cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Phạm Mai H1 và ông Trương Văn Đ phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 51.600.000 đồng x 5% = 2.580.000 (hai triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng.

Án phí sung vào công quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị Lệ H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.100.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Đạt